

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST
Ngày 04-9-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Vinh

Bà Phạm Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng- Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Đức- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2020/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Dương Ngọc T

ĐKHKT: Số 214 B, T 2, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng.

Nơi ở: Số 5/12/48 Ph, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tân

ĐKHKT và nơi ở: Số 214 B, T 2, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 30 tháng 6 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Dương Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Dương Ngọc T và chị Nguyễn Thị T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ (nay là phường Đ1) quận H, Hải Phòng vào năm 2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với mẹ đẻ anh Tuấn tại số 214 B, T 2, phường Đ, quận H, Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ hòa thuận được một thời gian ngắn. Từ năm 2006 đến nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách, lối sống không hòa hợp. Đầu năm 2007, anh T đi làm xa nhà, vợ chồng sống ly thân, chị T1 cũng không quan tâm đến việc anh T đi đâu, làm gì. Đến năm 2015 được sự động viên, khuyên bảo của gia đình, anh T về nhà đoàn tụ với chị T1. Anh T đã cố gắng nhưng tình cảm vợ chồng vẫn lạnh nhạt. Sau khi sinh cháu thứ 2 vào năm 2016, do vẫn không khắc phục được mâu thuẫn của vợ chồng nên anh T đã thuê nhà ở riêng. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng. Vợ chồng không còn liên hệ, nói chuyện, quan tâm trách nhiệm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, nên anh T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị T1.

Về nuôi con: Anh T và chị T1 có 02 con chung là Dương Mỹ V, sinh ngày 11/12/2005 và Dương Trí D, sinh ngày 29/4/2016. Anh T đồng ý để chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng 02 con. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Anh T và chị T1 không có.

Tại Bản tự khai của đương sự ngày 10/7/2020 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn là chị Nguyễn Thị T1 trình bày: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như lời trình bày của anh T. Quá trình chung sống đến đầu năm 2007 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T mãi chơi, đi sớm về muộn và có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Chị T1 và mẹ đẻ anh T đã gặp người phụ nữ đó để nói chuyện nên anh T đã dừng mối quan hệ này. Sau đó anh T bỏ nhà đi 02 năm liền. Trong thời gian này, vợ chồng không liên lạc, không quan tâm, trách nhiệm đến nhau. Đến năm 2009, anh T tự về nhà, cuộc sống vợ chồng bình thường. Đến năm 2011, anh T lại có quan hệ ngoại tình, thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Khi cháu thứ 2 được khoảng 17 tháng tuổi (đầu năm 2017) anh T lại tiếp tục ngoại tình với người phụ nữ thứ ba. Chị T1 không có bằng chứng về việc anh T có quan hệ như vợ chồng với người phụ nữ khác, nhưng chị T1 biết anh T có đi lại và nhắn tin nói chuyện tình cảm với người phụ nữ khác. Hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện với nhau, chị T1 nhiều lần khuyên can anh T nhưng không kết quả. Từ đầu năm 2017 đến nay, anh T đã đi khỏi nhà, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, trách nhiệm đến nhau. Anh T ở đâu, làm gì chị T1 không quan tâm, không biết. Tuy nhiên, chị T1 chấp nhận cuộc hôn nhân để anh T tự do có quan hệ với bất cứ người phụ nữ nào khác, tự do ở riêng, nhưng chị

T1 vẫn có chồng và các con vẫn có bố dù chỉ ở trên danh nghĩa. Vì vậy, chị T1 không đồng ý ly hôn, để các con có đủ sự chăm sóc của cả bố và mẹ.

Về con chung: Chị T1 và anh T có 02 con chung như lời trình bày của anh T. Nếu ly hôn, chị T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nếu vợ chồng ly hôn, chị T1 vẫn sinh sống với mẹ đẻ anh T tại số 214 B, T 2, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Chị T1 mở tiệm cắt tóc, gội đầu tại địa chỉ này, với mức thu nhập khoảng 10.000.000đồng/ tháng.

Về tài sản chung: Chị T1 và anh T không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

Quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân quận Hải An nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Tại phiên tòa bị đơn là chị Nguyễn Thị T1 vắng mặt, không lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Nguyễn Thị T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên là hôn nhân hợp pháp. Xét mâu thuẫn của vợ chồng anh T, chị T1 phát sinh do tính cách, lối sống của hai bên không hòa hợp và chị T1 nghi ngờ anh T có quan hệ ngoại tình dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, hai bên không còn quan tâm, chia sẻ, cùng

nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Tại phiên tòa, anh T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị T1. Chị T1 không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, chị T1 cũng xác nhận vợ chồng đã nhiều lần sống ly thân. Gần đây nhất là từ đầu năm 2017 đến nay, anh T thuê nhà ở riêng, vợ chồng không quan tâm, trách nhiệm đến nhau. Và chị T1 cũng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Hội đồng xét xử xét mục đích của hôn nhân là tạo dựng một gia đình mà ở đó vợ chồng phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; và phải xuất phát từ cả hai phía vợ và chồng. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành và anh T vẫn kiên quyết xin ly hôn do không còn tình cảm với chị T1. Xét hôn nhân của anh T và chị T1 đã không còn trên thực tế, đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, cho ly hôn giữa anh T và chị T1.

[3] Về nuôi con: Xét sự thống nhất nuôi con của anh T và chị T1 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con Dương Mỹ V, phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T1 yêu cầu để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Anh T và chị T1 đều xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về án phí:

[5] Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Dương Ngọc T và chị Nguyễn Thị T1.

2. Về nuôi con: Giao 02 con chung là Dương Mỹ V, sinh ngày 11/12/2005 và Dương Trí D, sinh ngày 29/4/2016 cho chị Nguyễn Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Dương Ngọc T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005498 ngày 03/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Hải An;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- Ủy ban nhân dân phường Đ 1, quận H, Hải Phòng;
- Chi cục THA DS quận Hải An;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Thủy